TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 543/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28- 8- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Luỹ

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 434/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 247/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị S, sinh năm 1982 nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An (*yêu cầu vắng mặt*).

- Bị đơn: anh Trần Đức P, sinh năm 1984 nơi cư trú: số F, tổ F, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2017, chị và anh P tự nguyện chung sống, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2018, ngày 22/3/2018). Nguyên nhân mâu thuẫn: anh P nghiện điện thoại, hay nhắn tin với người phụ nữ khác, chị khuyên thì bị anh P mắng chửi, thường xuyên cự cãi nhau từ năm 2019 đến nay, đã ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Do tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2018 do anh P nuôi dưỡng sau khi ly thân, chị đồng ý cho anh P nuôi con, do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp

kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được ông Trần Văn T (cha ruột của anh P) cho biết: Vợ chồng P sống ở Long An nên ông không biết mâu thuẫn gia đình là gì chỉ biết không còn chung sống từ năm 2022 đến nay. Vợ chồng P có 01 con chung tên Trần Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2018 do gia đình ông nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Việc ly hôn P1 có biết nhưng đi làm ở xa không về được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh P1. Về con chung: giao con chung tên Trần Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2018 cho anh P1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Chia tài sản và nợ chung không xem xét; chị S phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị S anh P1 có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị thường xuyên cãi nhau, anh P1 nhắn tin với người phụ nữ khác mặc dù chị S có khuyên, nhưng bị anh P1 mắng chửi nên đã ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Tòa án đã triệu tập để tham gia hòa giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh P1 đều không

đến, chị S cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh P1 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng chị S anh P1 có 01 con chung tên Trần Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2018 do anh P1 nuôi dưỡng sau khi ly thân. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao con chung cho anh P1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S không có khả năng cấp dưỡng do cuộc sống bấp bênh không có thu nhập ổn định. Anh P1 vắng mặt không gửi ý kiến về việc yêu cầu cấp dưỡng nên chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị S phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Anh P1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S.

1. Về hôn nhân: chị Lê Thị S được ly hôn với anh Trần Đức P.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2018 do anh P đang nuôi dưỡng. Giao anh Trần Đức P trực tiếp nuôi con chung tên Trần Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2018 đến khi thành niên và tự lập được. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007086 ngày 08/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Trần Đức P không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Tân Hoà, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung